

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 20 - 04 - 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Trương Văn Hăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 241/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 03 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ X, ấp P, xã ĐP, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tạm trú: Ấp P, xã L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ X, ấp P, xã ĐP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà T có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N là do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện An Phú, tỉnh An

Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 10 tháng 11 năm 2009. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do ông N ghen tuông vô cớ, có hành động bạo lực, hai người đã ly thân từ năm 2020. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nên bà T xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N2, sinh ngày 21/09/2009 và cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 17/06/2011. Các con chung đang sống với ông N. Bà T đồng ý để ông N tiếp tục nuôi con chung và xin không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã triệu tập N nhiều lần nhưng ông N đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không ghi nhận được ý kiến của ông N. Bà T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Thị Ý N2 và cháu Nguyễn Hữu D: Theo các biên bản ghi nhận ý kiến cùng ngày 09/03/2022, các cháu N2, D đều có nguyện vọng được chung sống với ông N khi ông N và bà T ly hôn.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với ông N. Tòa án công bố các biên bản xác minh, lời khai của các cháu Nguyễn Thị Ý N2 và cháu Nguyễn Hữu D. Bà T đồng ý để ông N tiếp tục nuôi dạy các con chung và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi cháu 1.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu Nguyễn Thị Yến N2 và Nguyễn Hữu D, giao các cháu cho ông N trực tiếp nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N và đồng ý để ông N trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Nguyễn Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại ấp P, xã

ĐP, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn N vắng mặt không lý do. Như vậy, ông N đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà T, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà T và ông N là do bất đồng quan điểm sống, ông N thường dùng lời lẽ không hay và sử dụng bạo lực. Bà T và ông N đã ly thân từ năm 2020. Trong thời gian ly thân, cũng như trong thời gian Tòa án tiến hành giải quyết, ông N không có hành động thể hiện sự hàn gắn và không có ý kiến về việc bà T xin ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Theo các biên bản ghi nhận ý kiến các cháu Nguyễn Thị Yến N2 và Nguyễn Hữu D thì các cháu đều có nguyện vọng sống với ông N sau khi bà T và ông N ly hôn. Theo kết quả xác minh thì các cháu đều được nuôi dạy, học hành chu đáo; ông N cũng có thu nhập ổn định, điều kiện để nuôi dạy các cháu. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu N2, D cho ông N trực tiếp nuôi dạy sẽ đảm bảo việc học tập, ổn định tâm lý, phù hợp nguyện vọng các cháu.

Tại phiên tòa, bà T tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng để ông N nuôi dạy con chung với mức mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng, nên công nhận sự tự nguyện này của bà T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Nếu ông N có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện và sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng, ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 178 do Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 11 năm 2009 cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn N được trực tiếp nuôi dạy 2 con chung tên Nguyễn Thị Yến N2, sinh ngày 21/09/2009 và Nguyễn Hữu D, sinh ngày 17/06/2011.

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho mỗi cháu (02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi Nguyễn Thị Yến N2 và Nguyễn Hữu D đến tuổi trưởng thành và tự lập được.

Bà Nguyễn Thị T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của ông Nguyễn Văn N. Ngược lại, ông N và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006588 ngày 02/11/2021. Bà T còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Nguyễn Thị T. Thời hạn kháng cáo của bà T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Đa Phước (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu

